

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH



ĐINH THỊ NGỌC MAI

**HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 9340201

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

HÀ NỘI -2019

Công trình được hoàn thành tại: **Học viện Tài chính**

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS,TS. NGUYỄN THỊ THANH HOÀI

2. TS. HOÀNG THỊ MINH CHÂU

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính Vào hồi giờ..... .. ngày.....tháng... .. năm 2019.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia.
- Thư viện Học viện Tài chính.

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

Thuế gián thu là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thuế của mỗi quốc gia và cũng là loại thuế chịu sự chi phối lớn của các cam kết song phương, đa phương trong hội nhập quốc tế. Ưu thế cơ bản của loại thuế gián thu là có khả năng mang lại số thu lớn cho ngân sách và là phương tiện quan trọng để Chính phủ các nước sử dụng để điều tiết hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, hướng dẫn hành vi tiêu dùng.

Sau những lần cải cách hệ thống thuế, chính sách thuế gián thu ở Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng, tương đối phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời có những đóng góp hết sức cụ thể vào công cuộc đổi mới của đất nước như: tạo nguồn thu tự chủ, ổn định, bền vững cho ngân sách nhà nước để nhà nước có nguồn tài chính chủ động trong điều hành kinh tế vĩ mô và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước; Khẳng định vai trò điều tiết thu nhập, thực hiện tốt chức năng phân phối lại, từng bước góp phần xây dựng hệ thống chính sách thuế công bằng, bình đẳng và hội nhập; Khẳng định vị trí quan trọng trong hệ thống thuế đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và hội nhập về thuế, góp phần tạo dựng và củng cố vị thế cạnh tranh trên trường quốc tế của thuế và của quốc gia trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Trên thực tế, hệ thống chính sách thuế gián thu đã và đang từng bước tiến dần tới các thông lệ quốc tế tốt, sử dụng chung ngôn ngữ thuế với thế giới, từ đó có thể so sánh, cạnh tranh được với các hệ thống thuế của các quốc gia khác. Tuy

nhiên, trong thời gian tới, khi Việt Nam thực hiện các cam kết trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại song phương, đa phương đã ký kết, tình hình XK, NK và sản xuất kinh doanh chắc chắn sẽ có nhiều biến động. Trong điều kiện đó, chính sách thuế gián thu cần có sự hoàn thiện hơn, thay đổi phù hợp, có khả năng ứng xử hiệu quả với những chuyển biến trong điều kiện mới với sự hiện diện và tác động mạnh mẽ, nhanh chóng và sâu rộng của hội nhập quốc tế, cách mạng 4.0, nhằm chủ động nắm bắt những biến động đó và có những ứng xử phù hợp để vừa đảm bảo được nguồn thu NSNN, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu Chính phủ đã đề ra.

Với những lý do nêu trên, NCS đã lựa chọn đề tài: “*Hoàn thiện chính sách thuế gián thu ở Việt Nam*” làm đề tài nghiên cứu Luận án Tiến sĩ.

2. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu chính của luận án là đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế gián thu của Việt Nam

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng hợp, hệ thống hóa những nội dung lý luận liên quan đến chính sách thuế gián thu.

- Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc hoạch định chính sách thuế gián thu, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể vận dụng khi hoạch định chính sách thuế gián thu.

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng chính sách thuế gián thu của Việt Nam hiện hành.

- Phân tích, chỉ ra những vấn đề cần hoàn thiện đối với chính sách thuế gián thu của Việt Nam trong thời gian tới

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế gián thu nhằm đáp ứng các yêu cầu của thời kỳ mới.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Phương pháp luận

Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong suốt quá trình nghiên cứu.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra, nghiên cứu sinh sử dụng các phương pháp khác nhau. Cụ thể:

- *Phương pháp nghiên cứu tại bàn*: sử dụng trong nghiên cứu tài liệu lý thuyết, các văn bản liên quan đến thuế, thuế gián thu các tài liệu nghiên cứu xung quanh chủ đề của luận án.

- *Phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp*. Các số liệu thống kê sau khi được thu thập từ năm 2009 -2018 được đưa vào phần mềm phân tích SPSS20.0 để thực hiện thực hiện thống kê phân tích hồi qui các nhân tố để thấy được sự thay đổi của tổng thu thuế, tổng thu NSNN qua đó có thể chứng minh tính khả thi của giải pháp đề xuất.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn chính sách thuế gián thu bao gồm: chính sách thuế GTGT, TTĐB, XK, NK, BVMT.

Phạm vi nghiên cứu:

Luận án thực hiện nghiên cứu trong phạm vi Việt Nam đặt trong mối tương quan so sánh, đối chiếu với một số quốc

gia điển hình trên thế giới, tập trung vào chính sách thuế GTGT, TTĐB, XK, NK, BVMT giai đoạn từ 2009 - 2018. Các giải pháp đề xuất theo lộ trình đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030.

5. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA LUẬN ÁN

Về lý luận

Luận án hệ thống hóa được những lý luận về thuế gián thu, chính sách thuế gián thu; các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách thuế gián thu và tác động của chính sách thuế gián thu đối với kinh tế - xã hội. Khung lý thuyết mà Luận án bổ sung, phát triển có thể làm cơ sở lý luận cho các nghiên cứu sau luận án tham khảo và dùng làm tài liệu hữu ích giúp các nhà quản lý có các nhìn toàn diện hơn về thuế gián thu, chính sách thuế gián thu, có cơ sở để xây dựng các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế gián thu có hiệu quả.

Về thực tiễn

Luận án đã đánh giá thực trạng chính sách thuế gián thu giai đoạn 2009 – 2018 dựa trên các yêu cầu của chính sách thuế gián thu cũng như việc thực hiện vai trò của chính sách thuế gián thu. Phân tích quy trình hoàn thiện chính sách thuế gián thu cho thấy những thành tựu nhất định trên phương diện khuyến khích sự tham gia của người nộp thuế, tuy nhiên quy trình này còn có hạn chế về tính minh bạch.

Đánh giá chung của luận án về 4 sắc thuế thuộc loại thuế gián thu là thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế XK, NK, thuế BVMT cho thấy chính sách thuế gián thu đã góp phần tăng thu cho ngân sách, tuy nhiên vẫn chưa bao quát hết đối tượng chịu thuế.

Dựa trên những đánh giá về chính sách thuế gián thu hiện hành, luận án đã đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế gián thu tới năm 2025 tầm nhìn năm 2030. Những đề xuất của luận án có ý nghĩa lớn về bổ sung, hoàn thiện chính sách thuế gián thu cũng như thực thi chính sách này.

6. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, Luận án gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Cơ sở lý luận về chính sách thuế gián thu

Chương 3: Thực trạng chính sách thuế gián thu ở Việt Nam

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế gián thu ở Việt Nam.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU

1.1 TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

Trên thế giới hiện nay có nhiều tài liệu có liên quan đến chính sách thuế nói chung và chính sách thuế gián thu nói riêng. Những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài liên quan đến chính sách thuế nói chung và chính sách thuế gián thu mà nghiên cứu sinh có điều kiện tiếp cận như: On selective indirect tax reform in developing countries của M. Shahe Emran, Joseph E. Stiglitz (2005), Taxation in Developing Countries: Six Case Studies and Policy Implications của Roger H. Gordon Đại học Columbia (2010), Tax policy and tax reform in the People's Republic of China, Báo cáo của OECD 18 (2013), Future orientation and taxes: Evidence from big data, của Matthias Petutschnig đăng trên Tạp chí Kế toán Quốc tế, Kiểm toán và Thuế, 2017, Tax Policy for Industrial Development của Dale Chua (1991), Consumption Tax trends, của Stephane Buydens (2014)

1.2 TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

Ở Việt Nam, đã có một số công trình triển khai nghiên cứu về vấn đề hoàn thiện chính sách thuế gián thu dưới dạng sách, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ có liên quan đến việc xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế. Một số công trình điển hình như:

Luận án tiến sĩ của Lê Thu Huyền năm 2008 “Đổi mới chính sách thuế tiêu dùng ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ của Vương Thị Thu Hiền năm 2008 “Hoàn thiện chính sách thuế ở Việt Nam trong điều kiện gia nhập WTO”, Luận án tiến sĩ của

Ngô Văn Khương năm 2016 “Chính sách thuế với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam”, Sử dụng chính sách thuế nhằm bảo vệ môi trường ở Việt Nam (2011), đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện do TS Nguyễn Thị Thanh Hoài và TS Lý Phương Duyên, Xây dựng phương pháp tính toán và dự báo số thu NSNN với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của ngành Hải quan đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ do TS. Nguyễn Công Bình, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính làm chủ nhiệm năm 2014, “Định hướng hoàn thiện chính sách thuế bảo vệ môi trường giai đoạn 2016- 2020” (2016)

1.3 KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

Những nghiên cứu về thuế nói chung và thuế gián thu nói riêng trước đây chưa đi sâu nghiên cứu định hướng hoàn thiện chính sách thuế gián thu, *Việc nghiên cứu* chỉ dừng trên góc độ quản lý Nhà nước về thuế để nghiên cứu, ban hành các qui định về thuế và quản lý thuế nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả quản lý.

Thứ ba, những nghiên cứu về thuế gián thu chưa thống nhất được các nhân tố ảnh hưởng tới chính sách thuế gián thu và những vấn đề cần quan tâm khi hoạch định chính sách thuế này.

Thứ tư, những nghiên cứu về thuế nói chung và thuế gián thu ở Việt Nam chưa hệ thống được kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng chính sách thuế gián thu, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Thứ năm, chưa đánh giá thực trạng chính sách thuế hiện nay ở Việt Nam đã có tác động như thế nào tới kinh tế - xã hội?.

Thứ sáu, những nghiên cứu trước đây cũng chưa đưa ra

được quan điểm và nội dung cụ thể định hướng hoàn thiện chính sách thuế gián thu.

1.4 CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sinh sẽ đi vào nghiên cứu để trả lời các câu hỏi được đặt ra như sau:

(1) Chính sách thuế gián thu hiện hành ở Việt Nam đã đáp ứng được yêu cầu hiện tại chưa?

(2) Chính sách thuế gián thu hiện hành ở Việt Nam có phù hợp với các quy định của quốc tế không?

(3) Khi hoạch định chính sách thuế gián thu cần quan tâm những vấn đề gì?

(4) Chính sách thuế gián thu của Việt Nam trong thời gian tới nên hoàn thiện theo hướng nào?

1.5 SỰ KHÁC BIỆT CỦA LUẬN ÁN SO VỚI CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

So với các công trình khoa học đã công bố, luận án: *“Hoàn thiện chính sách thuế gián thu ở Việt Nam”* có những khác biệt sau:

Luận án sẽ nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về chính sách thuế gián thu, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế khi áp dụng. Trên cơ sở những đánh giá về chính sách thuế gián thu hiện hành ở Việt Nam, Luận án sẽ đưa ra các giải pháp cụ thể để hoàn thiện chính sách thuế gián thu trong điều kiện thực hiện các cam kết song phương, đa phương theo lộ trình đến năm 2025, một số giải pháp đến năm 2030. Trong đó, chi tiết đối với từng sắc thuế trong việc áp dụng các sắc thuế này gắn với mục tiêu là tăng NSNN và thu hút đầu tư.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU

2.1 KHÁI QUÁT VỀ THUẾ GIÁN THU

2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế gián thu

2.1.1.1 Khái niệm thuế gián thu

“Thuế gián thu là loại thuế không trực tiếp đánh vào thu nhập và tài sản của người nộp thuế mà đánh một cách gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa và dịch vụ”.

Ở Việt Nam thuế gián thu bao gồm: thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế XK, thuế NK, thuế BVMT.

2.1.1.2 Đặc điểm của thuế gián thu

- Thuế gián thu là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa và dịch vụ.

- Thuế gián thu là một loại thuế thực

- Thuế gián thu mang tính lũy thoái so với thu nhập

- Thuế gián thu gây hiệu ứng chuyển thuế trực tiếp vào giá cả hàng hóa, dịch vụ.

2.1.2 Vai trò của thuế gián thu

Thuế gián thu góp phần tạo số thu lớn, ổn định, thường xuyên cho NSNN, kiểm soát tỷ lệ lạm phát của nền kinh tế và kích thích tăng trưởng kinh tế

2.2 TÁC ĐỘNG CỦA THUẾ GIÁN THU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

2.2.1 Tác động kinh tế của thuế gián thu

2.2.1.1 Tác động kinh tế của thuế gián thu đến cung, cầu, giá cả hàng hóa

Trong điều kiện thị trường cạnh tranh, giá cả hàng hóa chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế khách quan và do thị

trường quyết định. Do vậy, mức giá sẽ được xác định là điểm cân bằng giữa đường cung và đường cầu, nơi mà thu nhập biên của nhà sản xuất đúng bằng chi phí biên để sản xuất sản phẩm đó.

2.2.1.2 Tác động chuyển thuế của thuế gián thu đối với các chủ thể

Đối với người tiêu dùng: thuế gián thu tác động làm thay đổi thu nhập và thay đổi thói quen tiêu dùng

Đối với người sản xuất: Thuế gián thu tác động đến người sản xuất trên hai khía cạnh

2.2.2 Tác động về mặt xã hội của thuế gián thu

Các sắc thuế gián thu với tính chất là lũy thoái so với thu nhập những loại thuế này chỉ đánh vào các hộ gia đình thông qua tiêu dùng, mà không tính đến khả năng đóng góp, tức là mức độ thu nhập, cũng như hoàn cảnh bản thân người đóng thuế.

2.3. CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU

2.3.1 Khái niệm chính sách thuế gián thu

“Chính sách thuế gián thu là hệ thống những quan điểm, đường lối, phương châm điều tiết phần thu nhập dành cho tiêu dùng của các tổ chức, cá nhân trong xã hội thông qua những quy định cụ thể về các sắc thuế gián thu”.

2.3.2 Nội dung chủ yếu của chính sách thuế gián thu

Nội dung của chính sách thuế gián thu bao gồm: mục tiêu của chính sách thuế, phạm vi tác động của chính sách, thời gian hiệu lực của chính sách, trách nhiệm thực hiện chính sách thuế gián thu, cách thức động viên nguồn thu cho NSNN qua thuế gián thu của từng thời kỳ và các định hướng phát triển hệ thống thuế gián thu

2.3.3 Nguyên tắc thiết lập các chính sách thuế thuộc loại thuế gián thu

Thuế gián thu là một loại thuế gồm nhiều sắc thuế như thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế XK, NK, thuế BVMT. Mỗi sắc thuế có đối tượng điều chỉnh, nội dung điều chỉnh khác nhau và được qui định cụ thể bằng các văn bản pháp luật. Vì vậy khi thiết lập chính sách thuế gián thu cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản. Cụ thể:

Nguyên tắc thiết lập thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Nguyên tắc thiết lập thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

Nguyên tắc thiết lập thuế xuất khẩu (XK), thuế nhập khẩu (NK)

Nguyên tắc thiết lập thuế bảo vệ môi trường (BVMT)

2.3.4 Các yếu tố tác động đến chính sách thuế gián thu

Chính sách thuế gián thu là một bộ phận của hệ thống chính sách của Nhà nước nói chung, do đó nó chịu sự chi phối của các chính sách chung nhất, các chính sách có liên quan cũng như điều kiện kinh tế, xã hội, đời sống, phong tục tập quán của nhân dân...Cụ thể, các yếu tố chủ yếu chi phối tới chính sách thuế gián thu trong một thời kỳ nhất định bao gồm: mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của Nhà nước, nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, xu hướng phát triển kinh tế trong nước và hội nhập kinh tế quốc tế., sự hoàn thiện hoặc khiếm khuyết của hệ thống chính sách thuế hiện hành

2.3.5 Tiêu chí đánh giá chính sách thuế gián thu

Thuế không chỉ được sử dụng để tập trung nguồn thu cho NSNN mà còn là một trong những công cụ quan trọng điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế. Bởi vậy, việc xây dựng một hệ thống thuế hiệu quả nhằm giải quyết thỏa đáng cả hai yêu cầu trên

luôn được quan tâm. Khi đánh giá một hệ thống thuế nói chung, một loại thuế nói riêng (*trong đó có thuế gián thu*), người ta thường đánh giá dựa trên các tiêu chí cơ bản: tính công bằng, tính hiệu quả, tính rõ ràng, minh bạch, linh hoạt, tính chắc chắn và tính phù hợp.

2.4 NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA KHI HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU

Hoạch định chính sách thuế gián thu là một công việc phức tạp và phải căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ. Vì vậy, khi hoạch định chính sách thuế gián thu cần quan tâm một số vấn đề sau: Quy trình hoạch định chính sách thuế, xác định phạm vi áp dụng, xác định mức thuế, mối quan hệ giữa các sắc thuế gián thu.

2.5 KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Việt Nam đã là thành viên của WTO, CPTPP và các Hiệp định song phương, đa phương với hầu hết các nước trên thế giới. Việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách thuế là một đòi hỏi tất yếu, mà một trong những cơ sở quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế đó là tham khảo, học hỏi kinh nghiệm ở các quốc gia khác. Vì vậy, luận án tập trung tìm hiểu và phân tích nội dung từng chính sách thuế thuộc hệ thống chính sách thuế gián thu như: chính sách thuế GTGT, chính sách thuế TTĐB, chính sách thuế XK, NK, chính sách thuế BVMT....

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU Ở VIỆT NAM

3.1 QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2009 - 2018

3.1.1 Bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam giai đoạn 2009 -2018

Giai đoạn 2009- 2018 là một giai đoạn nền kinh tế Việt Nam có những thăng trầm do những diễn biến bất ổn của kinh tế thế giới. Bước vào năm 2009, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn, thách thức. Khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của nước ta.

3.1.2 Quan điểm xây dựng chính sách thuế gián thu của Việt Nam giai đoạn 2009 -2018

3.1.2.1 Quan điểm chung

Quan điểm cơ bản và cũng là mục tiêu then chốt là thuế phải trở thành công cụ quan trọng để quản lý kinh tế và là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Thuế phải có tính pháp lý cao để nâng cao hiệu quả và hiệu lực của chính sách thuế, thuế phải đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, thuế phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

3.2 THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2009 -2018

3.2.1 Chính sách thuế gián thu giai đoạn 2009 -2015

Giai đoạn 2009 -2015 là giai đoạn mà Nhà nước tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định về pháp luật thuế trong từng sắc thuế thuộc hệ thống thuế nói chung và thuế gián thu nói riêng nhằm xử lý những tác động của khủng hoảng suy thoái tài chính toàn cầu đến tình hình sản xuất và kinh tế trong nước nhưng vẫn phải đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hội nhập. Những cải cách liên quan đến hệ thống thuế gián thu được thể hiện qua các nội dung cụ thể trong từng sắc thuế.

3.2.2 Chính sách thuế gián thu giai đoạn 2016 đến nay

Từ năm 2016 đến nay, nền kinh tế Việt Nam đã có những bước chuyển mình đáng kể, vươn lên là một trong những nước thu hút nhiều FDI nhất, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, đẩy mạnh XK trên nhiều lĩnh vực. Để duy trì đà tăng trưởng này, một vấn đề đặt ra là cần hoàn thiện hơn nữa các chính sách thuế để hỗ trợ các doanh nghiệp các thành phần kinh tế nhất là trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay đã từng bước hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Chính sách thuế gián thu trong từ năm 2016 cũng đã có những sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình mới. Cụ thể:

3.3 DIỄN BIẾN VỀ QUY MÔ, KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VÀ XU THẾ BIẾN ĐỘNG CỦA NGUỒN THU TỪ THUẾ GIÁN THU CỦA VIỆT NAM

3.3.1 Xu hướng biến động nguồn thu từ thuế của NSNN

Việt Nam được coi là một nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Cùng với xu thế tăng trưởng mạnh của nền kinh tế, nguồn thu của NSNN cũng đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Cùng với xu thế tăng tỷ trọng động viên của thu ngân sách trên GDP thì thuế, với vị trí là nguồn thu chủ yếu, cũng có xu hướng tăng lên không ngừng về quy mô. Số thu thuế năm sau luôn cao hơn năm trước. Ở mọi thời điểm, thuế luôn tỏ rõ là nguồn thu chủ yếu trong tổng thu ngân sách (*Bảng 3.3*), giai đoạn 2009 -2018 số thu thuế luôn chiếm trên 80% tổng thu NSNN. Xem xét về cơ cấu tổng thể nguồn thu từ thuế trong tổng thu NSNN thì thuế gián thu luôn chiếm tỷ trọng cao nhất

3.3.2 Xu hướng biến động nguồn thu từ thuế gián thu

Cùng với xu thế tăng của tổng thu ngân sách nói chung, tổng thu từ thuế nói riêng, quy mô nguồn thu từ thuế gián thu cũng không ngừng tăng lên theo thời gian.

Quy mô và xu hướng tăng nguồn thu từ thuế gián thu của Việt Nam cho thấy ở mọi thời điểm, thuế gián thu vẫn là nguồn thu có tỷ trọng cao trong tổng số thu từ thuế của NSNN (*năm 2017 tỷ trọng này đạt ở mức cao nhất gần 60%*). Điều này là hoàn toàn phù hợp với những phân tích ở chương 2 cho rằng tính chất của loại thuế này là dễ thu, có năng suất thu lớn, phù hợp với điều kiện nền kinh tế đang phát triển, đặt ra đòi hỏi bức bách về nguồn thu để đáp ứng nhu cầu chi phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

3.4 ĐÁNH GIÁ CHUNG CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU CỦA VIỆT NAM

3.4.1 Những thành công của chính sách thuế gián thu và nguyên nhân

3.4.1.1 Những thành công của chính sách thuế gián thu

Chính sách thuế gián thu của Việt Nam giai đoạn 2009 - 2018 đã đạt được những thành công chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, Thuế gián thu đã góp phần thực hiện được mục tiêu quan trọng là huy động nguồn thu lớn, ổn định cho NSNN

Xem xét cụ thể trong chính sách thuế gián thu của Việt Nam giai đoạn 2009 -2018 cũng cho thấy sự đóng góp không nhỏ của từng sắc thuế trong tổng thu NSNN. Cụ thể như sau:

Thứ hai, Chính sách thuế gián thu được thiết kế theo hướng thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh, bảo hộ và kích thích sản xuất nội địa, hướng dẫn tiêu dùng, kích thích đầu tư

Thứ ba, chính sách thuế gián thu về cơ bản đã đảm bảo được tính rõ ràng, minh bạch, khả thi, nâng cao tính hiệu lực và ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế

Thứ tư, các sắc thuế gián thu đã được xây dựng theo hướng bổ sung lẫn nhau, thể hiện sự nhất quán về mục tiêu điều tiết và mức độ viên của cả hệ thống thuế gián thu

Thứ năm, Chính sách thuế gián thu trong ban hành và thực hiện đã có tính pháp lý cao, các văn bản pháp luật tương đối đồng bộ.

3.3.1.2 Nguyên nhân những thành công

Một là, đã có quy định về quy trình chính sách: ở Việt Nam.

Hai là, các thủ tục hành chính thuế đã được cải cách đáng kể: trong những năm gần đây.

Ba là, các nguồn lực chính sách bước đầu được quan tâm: các nguồn lực chính sách bao gồm: nguồn nhân lực, nguồn thông tin và nguồn tài chính

3.3.2 Một số điểm hạn chế của chính sách thuế gián thu hiện hành và nguyên nhân

3.3.2.1 Một số hạn chế của chính sách thuế gián thu hiện hành

Thứ nhất, quy trình hoàn thiện chính sách

Vẫn còn nhiều ý kiến đóng góp cho chính sách thuế bị bỏ qua mà chưa được giải thích cụ thể. Quá trình tham gia xây dựng chính sách thuế rất tốn thời gian và tiền bạc với doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan. Quy trình xây dựng chính sách thuế hạn chế về tính minh bạch.

Thứ hai, mục tiêu và nội dung chính sách

Hệ thống thuế gián thu chưa thể hiện sự ổn định về mục tiêu, yêu cầu điều tiết so với khả năng điều tiết. Những hạn chế thể hiện ngay trong từng sắc thuế gián thu. Cụ thể:

3.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể tham gia vào hoàn thiện chính sách thuế, còn sự lồng ghép chính sách thuế với các chính sách xã hội, sự tác động tiêu cực từ môi trường vĩ mô và nguồn kinh phí cho việc vận hành chính sách thuế nói chung và chính sách thuế gián thu còn eo hẹp.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU Ở VIỆT NAM

4.1 KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU

4.1.1 Xu hướng phát triển kinh tế thế giới và Việt Nam đến năm 2030

4.1.1.1 Xu hướng kinh tế thế giới

Xu hướng kinh tế thế giới đang có những thay đổi nhanh chóng, chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp và khó lường. Các xu hướng mâu thuẫn đang cùng tồn tại và phát triển. Vị trí độc tôn của Hoa Kỳ luôn đứng trước nhiều thách thức với sự nổi lên của nhóm BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc). Xu hướng toàn cầu hóa lan rộng nhưng bị cản trở bởi các nỗ lực bảo hộ của một số nước... Thế giới đang có những xu hướng phát triển và hội nhập khá rõ rệt đi kèm với xu thế bất định khó lường nhưng rất quan trọng vì sẽ tác động không lường đến việc hoạch định chiến lược phát triển của các quốc gia, đồng thời có thể tạo ra một cục diện hoàn toàn khác trên trường quốc tế.

4.1.1.2 Xu hướng kinh tế Việt Nam

Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế ngày càng sâu rộng, thúc đẩy quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động, hình thành mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục hội nhập ngày càng sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Do vậy, trong một thế giới biến động không ngừng việc dự báo tình hình kinh tế - xã hội của một quốc gia không thể không tính đến tình hình kinh tế - chính trị - xã hội quốc tế. Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam sẽ ngày càng

chịu ảnh hưởng nhiều hơn từ “*sức khỏe*” của nền kinh tế toàn cầu. Như vậy, việc phát triển nguồn thu bền vững của thuế phải đồng thời vừa phát triển nguồn thu, vừa đảm bảo công bằng xã hội trong phân phối thu nhập quốc dân.

4.1.2 Yêu cầu đặt ra với chính sách thuế gián thu

Để đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh tế, xã hội đã đề ra, việc hoạch định chính sách thuế nói chung và chính sách thuế gián thu nói riêng cần phải đảm bảo một số yêu cầu như sau: Chính sách thuế gián thu phải phù hợp với quá trình cải cách hệ thống thuế, phải tính đến ảnh hưởng của các cam kết hội nhập quốc tế, những yêu cầu mới về bảo hộ sản xuất nội địa., đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách, vừa nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế.

4.2 QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU CỦA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.2.1 Quan điểm

Trên cơ sở những yêu cầu đặt ra đối với chính sách thuế ở Việt Nam, hệ thống chính sách thuế hiện hành cần phải được hoàn thiện nhằm hướng tới xây dựng hệ thống chính sách thuế minh bạch, công bằng, hiệu quả, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Quan điểm 1: Chính sách thuế gián thu của Việt Nam cần được hoàn thiện theo hướng tăng thu thuế nội địa để bù đắp phần thuế NK bị giảm.

Quan điểm 2: Chính sách thuế gián thu khi xây dựng phải góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, điều chỉnh các cơ cấu kinh tế theo hướng khuyến khích XK, khuyến khích đầu tư theo hướng đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ hiện đại.

Quan điểm 3: Hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gián thu theo hướng phát huy tính công khai, dân chủ trong quá trình xây dựng và triển khai, bảo đảm chính sách động viên công bằng giữa các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư.

Quan điểm 4: Hệ thống chính sách thuế gián thu nói riêng phải được hoàn thiện theo hướng đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, tiếp cận với công nghệ thông tin hiện đại trong thời đại công nghiệp 4.0; tạo điều kiện tối đa cho người nộp thuế trong quá trình tuân thủ thuế cũng như cơ quan quản lý thuế trong quá trình triển khai, quản lý thuế.

4.2.2 Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát: hệ thống chính sách thuế nói chung, chính sách thuế gián thu nói riêng phải có cơ cấu hợp lý, đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Mục tiêu cụ thể: Việc hoàn thiện chính sách thuế gián thu của Việt Nam đến năm 2030 cần đạt được các mục tiêu cơ bản sau: phải đảm bảo bao quát đầy đủ cơ sở thuế trong nền kinh tế từ hàng hóa, dịch vụ, XK,NK, hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng cần được điều tiết đầy đủ nhằm huy động nguồn thu lớn, ổn định cho NSNN

4.3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ GIÁN THU Ở VIỆT NAM

Trên cơ sở thực trạng chính sách thuế gián thu nói chung và theo từng sắc thuế gián thu nói riêng cũng như bám sát các tiêu chuẩn của một chính sách thuế tốt và đặc biệt là bám sát bối cảnh kinh tế - xã hội Việt Nam trong thời gian tới và các quan điểm, mục tiêu đã đề ra, luận án tập trung đưa ra

các giải pháp để hoàn thiện chính sách thuế gián thu của Việt Nam trong thời gian tới theo từng sắc thuế cụ thể như sau:

4.3.1 Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế GTGT

Luận án đề xuất nên thu hẹp lại diện các hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT nhằm làm cho chính sách thuế này có tính liên hoàn cao hơn, dễ thực thi hơn và đảm bảo tính công bằng giữa các đối tượng, những khâu đánh thuế

Về thuế suất thuế GTGT: Nghiên cứu áp dụng thuế GTGT một mức thuế suất (ngoại trừ mức thuế suất 0%) sẽ đảm bảo yêu cầu đơn giản, rõ ràng và ổn định của chính sách, tạo điều kiện cho công tác hành chính thuế.

Nghiên cứu áp dụng một phương pháp tính thuế: Phương pháp tính thuế nên được nghiên cứu hoàn thiện theo hướng chỉ áp dụng một phương pháp duy nhất là phương pháp khấu trừ thuế.

4.3.2 Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế TTĐB

Trong thời gian tới, nên cân nhắc bổ sung những mặt hàng sau đây vào diện chịu thuế TTĐB như: Dịch vụ kinh doanh game, Đồ uống có ga, Các mặt hàng mỹ phẩm cao cấp, nước hoa, dịch vụ thẩm mỹ, Các sản phẩm điện tử cao cấp. Nghiên cứu điều chỉnh thuế suất thuế TTĐB theo hướng tăng thuế suất thuế TTĐB đối với một số mặt hàng cần điều tiết cao như: với xe ô tô dưới 24 chỗ vừa chở người vừa chở hàng, xe sử dụng năng lượng điện, đối với mặt hàng bia, rượu, thuốc lá

4.3.3 Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế XK, thuế NK

Trong thời gian tới, nên hoàn thiện chính sách thuế Xk, NK theo hướng mở rộng cơ sở thuế XK, NK, đơn giản hoá biểu thuế suất thuế XK, NK. Và nghiên cứu đầy đủ và áp dụng toàn

phần hệ thống hài hòa mô tả và hệ số hàng hóa (HS) trong xác định mã hàng hóa và thuế suất.

4.3.4 Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế BVMT

Luận án đề xuất, trong thời gian tới cần nghiên cứu đề bổ sung vào đối tượng chịu thuế BVMT một số mặt hàng sau: Sản phẩm phân bón hóa học, chất tẩy rửa, chất kích thích tăng trưởng, khí than, khí thiên nhiên, Pin và ắc quy phế thải. Nghiên cứu điều chỉnh khung thuế BVMT đối với một số mặt hàng: Túi ni lông, than đá, xăng, dầu, mỡ nhờn.

4.3.5 Các giải pháp khác

Bên cạnh việc thực hiện các giải pháp cụ thể như đã trình bày ở trên, cần thiết phải thực hiện bổ sung các giải pháp sau đây:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuế,. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật thuế.

4.4 ĐIỀU KIỆN THỰC THI CÁC GIẢI PHÁP

Để những giải pháp hoàn thiện chính sách thuế gián thu như tác giả đã trình bày có tính khả thi hơn nữa thì cần có những giải pháp mang tính điều kiện như: Tăng cường chất lượng công tác thống kê và dự báo trên cơ sở phát triển hệ thống thông tin đa dạng và tin cậy, mở rộng khả năng tiếp cận công nghệ thuế cho NNT, đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu phục vụ công tác thuế và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan.

KẾT LUẬN CHUNG

Đề tài luận án: “*Hoàn thiện chính sách thuế gián thu ở Việt Nam*” được thực hiện nhằm hệ thống hóa và phát triển lý luận về thuế gián thu, trên cơ sở đó phân tích so sánh với thực tế vận dụng chính sách thuế gián thu của Việt Nam trong thời gian qua, từ đó tìm ra các giải pháp để hoàn thiện chính sách thuế gián thu trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng. Cụ thể:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận về thuế gián thu, chính sách thuế gián thu. làm rõ những tác động của thuế gián thu đối....;. Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng chính sách thuế gián thu ở một số nước trên thế giới, rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị thực tiễn cho xây dựng chính sách thuế gián thu ở Việt Nam.

Thứ hai, dựa trên mục tiêu, tiến trình cải cách chính sách thuế gián thu nói chung và chính sách thuế gián thu qua các giai đoạn, cùng với thực trạng áp dụng thuế gián thu ở Việt Nam để phân tích thực trạng chính sách thuế gián thu. Qua đó, phân tích những kết quả đạt được và hạn chế của chính sách thuế gián thu. Chỉ ra các nguyên nhân căn bản làm cơ sở xây dựng các giải pháp hoàn thiện chính sách thuế gián thu.

Thứ ba, xuất phát từ mục tiêu chính sách thuế gián thu ở Việt Nam, luận án đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế gián thu. Chú trọng vào việc sửa đổi, bổ sung các sắc thuế thuộc hệ thống chính sách thuế gián thu đã có.

Hoàn thiện chính sách thuế là vấn đề phức tạp, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ những thay đổi của sự phát triển kinh tế - xã hội, gắn với tiến trình cải cách thuế. Trong khuôn khổ luận án tiến sĩ, tác giả đã phân tích từ cơ sở lý luận đến thực tiễn để đưa

ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế gián thu ở Việt Nam. Mặc dù đã cố gắng nhưng những đánh giá, giải pháp và kiến nghị có thể chưa được đầy đủ và toàn diện. Vì vậy, tác giả mong muốn nhận được sự góp ý của các nhà khoa học và những người quan tâm nhằm hoàn thiện hơn vấn đề nghiên cứu.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN
LUẬN ÁN**

Tạp chí khoa học

1. Đinh Thị Ngọc Mai (2015), Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 01(138) 2015 trang 29 -30,34, ISSN: 1859 – 4093

2. Đinh Thị Ngọc Mai (2015), Tuân thủ thuế và những vấn đề đặt ra. *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, số 153 (3-2015) trang 36-37, ISSN: 2354 – 0885

3. Đinh Thị Ngọc Mai (2015), Tập trung thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế. *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, số 158 (8-2015) trang 22-23, ISSN: 2354 – 0885

4. Đinh Thị Ngọc Mai (2017), Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu ở Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, số 04(165) 2017 trang 14 – 16,28, ISSN: 1859 – 4093

5. Đinh Thị Ngọc Mai (2017), Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện nhiều vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh có rủi ro cao về thuế. *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, số 179 (5-2017) trang 17-18, ISSN: 2354 – 0885

6. Đinh Thị Ngọc Mai (2017), Nhiều giải pháp quản lý và chống thất thu NSNN. *Tạp chí Thanh tra Tài chính*, số 181 (7-2017) trang 13-14, ISSN: 2354 – 0885

7. Đinh Thị Ngọc Mai (2018), Chống chuyển giá – kinh nghiệm từ một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. *Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia, Đại học Kinh tế quốc dân (4/2018), trang 203 -210.*

8. Đinh Thị Ngọc Mai (2018), Đánh giá chính sách thuế gián thu Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số 32 (11- 2018), trang 3-6, ISSN: 0866-7120.